

Bản án số: 71/2022/DS-PT
Ngày: 03/3/2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

- Ông Đinh Chí Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2021/TLPT-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 120, ấp Tây, xã T, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thanh Hùng, sinh năm 1963; địa chỉ: 13/26, đường số 11, phường 4, thành phố T, tỉnh Long An. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/4/2021).

- Bị đơn: Anh Phạm Hoàng N, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp Tây, xã T, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Kim V, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Tổ 19, ấp T, xã T P T, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Phạm Thái A, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Phạm Thái D, sinh năm 1986;

4. Phạm Thiên D1, sinh năm 1989;

5. Phạm Nguyễn Thiên P, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: Số 120, ấp T xã T, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Phạm Thiên Dn: Ông Trần Thanh Hùng, sinh năm 1963; địa chỉ: 13/26, đường số 11, phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/02/2022).

6. Lê Kim P, sinh năm 1980;

7. Phạm Thị Tường V, sinh năm 2008;

Địa chỉ: Số 121, Ấp T, xã T, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Phương và đại diện hợp pháp cho cháu Vy là anh Phạm Hoàng N, sinh năm 1977, Địa chỉ: Số 121, Ấp T, xã T, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp.

8. Ủy ban nhân dân huyện C T;

Địa chỉ: Số 80, khóm P, thị trấn C T H, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là ông Lê Minh T - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim L là nguyên đơn trong vụ án.

(có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp, thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ 47, diện tích 2.468m² là của ông Ngô Thành M cho vợ, chồng bà Lê Thị Hồng H và ông Phạm Văn Đ (là cha, mẹ chồng bà L) thuê vào năm 1965. Đến năm 2007 bà H đi đăng ký, kê khai và đã được UBND huyện C T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà H. Sau đó, vào năm 2008 bà H làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn C (chồng bà L). Đến năm 2018 ông C chết nên bà L cùng các con đã làm văn bản phân chia di sản thừa kế và cùng thống nhất phần đất này để lại cho bà Nguyễn Thị Kim L. Đến ngày 28/9/2018 Sở Tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Kim L.

Lý do bà L yêu cầu anh Phạm Hoàng N di dời căn nhà và phá bỏ hàng rào trả lại đất cho bà, vì trước năm 1975, trên diện tích đất thuê của ông M, bà H và ông Đ có cho cụ Lê Thị D (là mẹ ông Đ, mẹ chồng bà H và là bà nội chồng bà L) cất một căn nhà ngang 5,6m dài 12m, tổng diện tích 99,2m² để ở; đến khoảng

năm 1996 sau khi cụ D qua đời, thì ông Phạm Văn B (con cụ D) quản lý, sử dụng và hiện anh Phạm Hoàng N (con trai ông B) quản lý. Căn nhà này lúc cụ D còn sống thì chỉ có cụ D sử dụng căn nhà dùng để ở, còn ông B và anh N chỉ tới lui đốt nhang và tổ chức đám giỗ hàng năm chứ không có ở, vì họ có nhà riêng ở xã Tân Phú T. Vào năm 2019 anh N xây dựng hàng rào nên mới xảy ra tranh chấp.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu anh Phạm Hoàng N và bà Nguyễn Kim V phải di dời nhà và phá bỏ hàng rào để trả lại diện tích 159m², đất thuộc thửa 424, tờ bản đồ số 47 được Sở Tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà L đồng ý để cho N quản lý, sử dụng phần nhà phía trước (ngay căn nhà thờ) và diện tích sân khoảng 129m² nhưng phải trả giá trị theo giá thẩm định của Hội đồng định giá trước đây. Còn phần nhà bếp phía sau khoảng 30m² thì yêu cầu anh N di dời, không đồng ý nhận giá trị.

Bị đơn anh Phạm Hoàng N trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông M cho ông Phạm Văn Đ mượn. Vào năm 1960 ông Đ có kêu cụ D (mẹ ông Đ và ông B) về ở trên phần đất để mẹ con gần gũi vì lúc này cụ D đang ở chung trong gia đình lớn tại xã T.

Lúc đầu cha anh là ông Phạm Văn B (con cụ D, em ông Đ) sống cùng với cụ D để tiện chăm sóc cụ D. Sau khi cụ D chết thì ông B tiếp tục ở căn nhà đó, đến khoảng năm 1990 thì ông B có cất nhà kiên cố tại xã T (gần phần đất đang tranh chấp) để ở và làm kinh tế. Ban ngày thì ông B ở bên căn nhà tại xã T để chăm sóc vườn, làm bột, buổi tối thì ông B về căn nhà đang tranh chấp đốt nhang, tổ chức đám tiệc. Sau khi cha anh chết vào năm 2016 thì anh tiếp tục quản lý căn nhà này. Hiện anh N đang thờ cúng cụ D, cụ G (ông bà nội của anh N).

Vì nghĩ trong nội bộ gia đình, nên trong suốt quá trình quản lý, sử dụng đất thì cụ D, ông Đ, anh N không có đăng ký kê khai và cũng không biết bà H, ông C, bà L làm thủ tục cấp giấy, sau này phát sinh tranh chấp mới biết.

Vào khoảng năm 2000 khi cha mẹ anh là ông B, bà V sửa chữa lại phần nhà bếp phía sau, cũng trên vị trí nền nhà cũ của cụ D. Lúc này ông Đ, bà H, ông C, bà L cũng không có ý kiến gì.

Sau khi ông C chết thì bà L không cho anh tiếp tục sử dụng phần đất và yêu cầu di dời nhà nên phát sinh tranh chấp cho đến nay.

Trước đây trong đơn yêu cầu phản tố bổ sung, anh N yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận cấp cho bà L đối với diện tích 159m², nhưng tại phiên tòa anh

N xin rút lại yêu cầu này, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử thu hồi một phần giấy chứng nhận của bà L.

Nay anh N không đồng ý di dời nhà và phá bỏ hàng rào theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim L. Anh N yêu cầu thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 159m², thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 47 được Sở Tài nguyên và môi trường cấp cho bà Nguyễn Thị Kim L. Anh N yêu cầu được công nhận quyền quản lý, sử dụng phần diện tích căn nhà và sân là 159m².

Đồng thời, anh N yêu cầu tuyên vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H và ông C và một phần thỏa thuận phân chia di sản để lại cho bà L đối với diện tích 159m² đang tranh chấp.

Anh N tự nguyện hỗ trợ cho bà L 10.000.000 đồng tiền thuê đã đóng và tiền chi phí thẩm định, đo đạc, định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim V trình bày:

Bà vui thông nhất theo lời trình bày của anh Phạm Hoàng N. Vào năm 2000 bà và ông B có sửa chữa lại phần nhà bếp phía sau trở nên kiên cố, lúc này ông Đ, bà H còn sống và không có tranh chấp gì. Bà yêu cầu Tòa án công nhận quyền quản lý, sử dụng phần diện tích ngay căn nhà và diện tích cái sân là 159m² cho Phạm Hoàng N, phần đất thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 47 được Sở Tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim L. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C T đã quyết định:

[1]. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu anh Phạm Hoàng N, bà Nguyễn Kim V tháo dỡ, di dời nhà, vật kiến trúc trả lại diện tích đất 159m².

[2]. Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Hoàng N.

Tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 472/HĐTA ngày 20/5/2008 giữa bà Lê Thị Hồng H với ông Phạm Văn C và việc nhận thừa kế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Kim L đối với diện tích 159m² là vô hiệu.

Công nhận cho anh Phạm Hoàng N được quyền quản lý, sử dụng diện tích 159m² (đất ở), thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 47. Phạm vi đất được xác định từ các mốc 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 01/9/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C T.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị Kim L đối với diện tích 159m² thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 47, để cấp lại cho anh Phạm Hoàng N theo quy định.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Hoàng N về việc hỗ trợ cho bà L số tiền 10.000.000 đồng đối với khoản thuế mà trước đây bà L đã đóng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về chi phí tố tụng: Anh Phạm Hoàng N tự nguyện chịu 3.257.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và ký hợp đồng đo đạc. Do bà L đã chi xong nên anh N có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền này.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 2.385.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.192.500 đồng theo biên lai thu số 0007250 ngày 17/12/2019 và 0007461 ngày 05/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T. Bà L còn phải nộp tiếp 1.192.500 đồng.

Anh Phạm Hoàng N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.665.000 đồng theo các biên lai thu số 0007250 ngày 16/01/2020, số 0007483 ngày 13/3/2020 và số 0008042 ngày 23/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 4 năm 2021, bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo một phần đối với bản án sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn: Không thỏa thuận được với bị đơn về việc giải quyết nội dung vụ án. Thay đổi nội dung kháng cáo chỉ yêu cầu anh N trả giá trị của 159m² đất, không yêu cầu trả lại phần diện tích nhà bếp phía sau 30m².

- Bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu trước đây và thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

- + Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện

đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc anh Phạm Hoàng Nhựt phải trả giá trị của 159m² đất và trả lại phần diện tích nhà bếp phía sau 30m², nhưng tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà L thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu trả giá trị của 159m² đất. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm nhưng không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn.

Xét việc bà L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc anh N trả giá trị của 159m² đất, thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 47, Hội đồng xét xử nhận thấy, nguồn gốc đất tranh chấp là thuê của ông Ngô Thành M vào năm 1965, người thuê đất là ông Đ, bà H (cha, mẹ chồng của bà L). Năm 1968 ông Đ kêu mẹ là cụ D về cất nhà sống trên phần đất tranh chấp nhằm thuận lợi trong việc chăm sóc cụ D, trong thời gian này ông Phạm Văn B (con trai cụ D, cha anh N) sống chung cụ D, sau khi cụ D và ông B chết thì giao lại căn nhà và phần đất tranh chấp cho anh N sử dụng quản lý cho đến nay, như vậy gia đình anh N đã sử dụng quản lý phần đất tranh chấp này qua ba thế hệ, và phần đất tranh chấp này không phải của bà H, ông Đ tạo lập, thời điểm cụ D về sinh sống trên đất thì phần đất này vẫn là của ông M, khi bà H kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có căn nhà của cụ D (bà nội anh N, mẹ chồng bà H) được xây cất trước năm 1975 và căn nhà vẫn giữ nguyên hiện trạng, riêng căn bếp được ông B (cha anh N) sửa lại vào năm 2000 cũng trên phần đất này, bà L cũng thừa nhận khi cụ D chết, ông B (cha anh N) đã sửa chữa căn nhà này bà H ông C (nay là bà L cũng), không khiếu nại gì. Mặt khác, tại công văn số 3468/UBND-NC ngày 09/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cung cấp thông tin về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hoa vào năm 2007 là cấp lần đầu theo hệ thống bản đồ địa chính, chính quy, việc cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L không có thẩm định ai là người trực tiếp sử dụng đất, người sử dụng đất chịu trách nhiệm kê khai về nguồn gốc đất. Từ đó cho thấy nguồn gốc đất tranh chấp không phải của bà H, ông C (sau này là bà L), bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở để hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích trên.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do không chấp nhận kháng cáo của bà L nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên nhận thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ đúng thực tế khách quan của vụ án. Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của bà L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C T.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C T.
 - Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu anh Phạm Hoàng N, bà Nguyễn Kim V tháo dỡ, di dời nhà, vật kiến trúc trả lại diện tích đất 159m².
 - Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Hoàng N.

Tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 472/HĐTA ngày 20/5/2008 giữa bà Lê Thị Hồng H với ông Phạm Văn C và việc nhận thừa kế quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Kim L đối với diện tích 159m² là vô hiệu.

Công nhận cho anh Phạm Hoàng N được quyền quản lý, sử dụng diện tích 159m² (đất ở), thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 47. Phạm vi đất được xác

định từ các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6 trở về mốc 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 02/3/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C T.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị Kim L đối với diện tích 159m² thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 47, để cấp lại cho anh Phạm Hoàng N theo quy định.

(kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 02/3/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C T).

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Hoàng N về việc hỗ trợ cho bà L số tiền 10.000.000đồng đối với khoản thuế mà trước đây bà L đã đóng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Tổng cộng là 3.257.000đồng. Bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp tạm ứng và đã chi xong. Anh Phạm Hoàng N tự nguyện chịu 3.257.000đồng nên anh N có trách nhiệm nộp số tiền này để hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim L.

4 Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 2.385.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.192.500 đồng theo biên lai thu số 0007250 ngày 17/12/2019 và 0007461 ngày 05/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà L còn phải nộp tiếp 1.192.500 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 00013335 ngày 06/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Anh Phạm Hoàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.665.000đồng theo các biên lai thu số 0007250 ngày 16/01/2020, số 0007483 ngày 13/3/2020 và số 0008042 ngày 23/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND H. Châu Thành;
- CCTHADS H. Châu Thành;
- Phòng GD&ĐT và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Mỹ